

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**  
**HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....**  
**HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022**  
**Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022**

Môn học: ...Mạch điện.....

Nhóm: ...05.....

Ngày thi: .....18/01/2022..... Giờ thi:.....12:30.....

Phòng thi: ...ON11...

Giảng viên giảng dạy: .....Trần Thị Thanh Lễ.....

| MaMH   | Stt | MaSV       | HoLotSV       | TenSV | NgaySinhC  | MaLop    | Điểm QT<br>40% | Điểm thi<br>60% | Điểm HP | Ghi chú |
|--------|-----|------------|---------------|-------|------------|----------|----------------|-----------------|---------|---------|
| 228040 | 1   | 2121150003 | Phạm Hoàng    | Anh   | 13/10/2002 | CCQ2115A | 7.2            | 8.5             | 8.0     |         |
| 228040 | 2   | 2121150007 | Vũ Hoài Bảo   | Ân    | 24/07/2003 | CCQ2115A | 8.0            | 4.0             | 5.6     |         |
| 228040 | 3   | 2121150012 | Bùi Long      | Bách  | 16/11/2003 | CCQ2115A | 7.1            | 6.0             | 6.4     |         |
| 228040 | 4   | 2121150059 | Bùi Ngọc      | Bảo   | 08/07/2003 | CCQ2115B | 5.6            | 2.0             | 3.4     |         |
| 228040 | 5   | 2121150061 | Nguyễn Hoàng  | Chung | 24/03/2001 | CCQ2115B | 3.6            | 0.0             | 1.4     |         |
| 228040 | 6   | 2121150032 | Lê Văn        | Cường | 28/09/2003 | CCQ2115A | 6.5            | 6.5             | 6.5     |         |
| 228040 | 7   | 2121150029 | Trương Công   | Diên  | 02/12/2002 | CCQ2115A | 7.3            | 6.0             | 6.5     |         |
| 228040 | 8   | 2121150051 | Lê Khánh      | Duy   | 14/11/2003 | CCQ2115B | 6.1            | 7.0             | 6.6     |         |
| 228040 | 9   | 2121150057 | Tạ Quang Hải  | Dương | 11/10/2002 | CCQ2115B | 6.4            | 8.0             | 7.4     |         |
| 228040 | 10  | 2121150046 | Nguyễn Công   | Đức   | 25/01/2003 | CCQ2115B | 5.8            | 0.0             | 2.3     |         |
| 228040 | 11  | 2121150004 | Ngô Văn       | Hiệp  | 26/01/2003 | CCQ2115A | 6.2            | 3.0             | 4.3     |         |
| 228040 | 12  | 2121150008 | Nguyễn Văn    | Hòa   | 20/10/2003 | CCQ2115A | 8.4            | 8.0             | 8.2     |         |
| 228040 | 13  | 2121150001 | Mạc Duy       | Hoàng | 28/07/2003 | CCQ2115A | 4.6            | 8.0             | 6.6     |         |
| 228040 | 14  | 2121150024 | Nguyễn Duy    | Hoàng | 29/12/2002 | CCQ2115A | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 15  | 2121150043 | Đỗ Viết       | Hùng  | 08/01/1997 | CCQ2115B | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 16  | 2121150009 | Đào Duy       | Huy   | 28/03/2003 | CCQ2115A | 8.0            | 8.5             | 8.3     |         |
| 228040 | 17  | 2121150011 | Hoàng Đức     | Huy   | 09/05/2003 | CCQ2115A | 6.9            | 8.0             | 7.6     |         |
| 228040 | 18  | 2121150058 | Nguyễn Quang  | Huy   | 29/08/2003 | CCQ2115B | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 19  | 2121150035 | Nguyễn Quốc   | Huy   | 28/02/2003 | CCQ2115A | 8.2            | 8.5             | 8.4     |         |
| 228040 | 20  | 2121150002 | Võ Nhật       | Huy   | 11/10/2003 | CCQ2115A | 7.1            | 9.0             | 8.2     |         |
| 228040 | 21  | 2121150013 | Nguyễn Lê Đức | Hướng | 13/12/2003 | CCQ2115A | 8.2            | 4.5             | 6.0     |         |
| 228040 | 22  | 2121150052 | Lưu Đức       | Khang | 10/06/2003 | CCQ2115B | 8.6            | 2.0             | 4.6     |         |
| 228040 | 23  | 2121150030 | Lê Chí        | Khanh | 02/07/2002 | CCQ2115A | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 24  | 2121150036 | Phạm Đăng     | Khoa  | 22/07/2003 | CCQ2115B | 7.5            | 6.5             | 6.9     |         |
| 228040 | 25  | 2121150019 | Trương Đình   | Linh  | 09/07/2003 | CCQ2115A | 6.7            | 5.0             | 5.7     |         |
| 228040 | 26  | 2121150040 | Nguyễn Thành  | Lộc   | 08/05/2003 | CCQ2115B | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 27  | 2121150026 | Trần Bảo      | Lợi   | 03/02/1996 | CCQ2115A | 8.3            | 9.0             | 8.7     |         |
| 228040 | 28  | 2121150023 | Trần Hàn Sĩ   | Luân  | 13/10/2003 | CCQ2115A | 0.0            | 4.0             | 2.4     |         |
| 228040 | 29  | 2121150005 | Hoàng Thị Thu | Mai   | 13/04/2003 | CCQ2115A | 8.7            | 9.0             | 8.9     |         |

Số sinh viên có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số sinh viên vắng mặt: 5

Số tờ giấy thi: 24

**Ghi chú:** Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú.  
 Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2




DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI  
HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....  
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022  
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học:...Mạch điện.....  
Nhóm: ...05.....  
Ngày thi: .....18/01/2022..... Giờ thi:.....12:30..... Phòng thi: ...ON11...  
Giảng viên giảng dạy: . ....Trần Thị Thanh Lễ.....

| MaMH | Stt | MaSV | HoLotSV | TenSV | NgaySinhC | MaLop | Điểm<br>QT<br>40% | Điểm<br>thi<br>60% | Điểm<br>HP | Ghi<br>chú |
|------|-----|------|---------|-------|-----------|-------|-------------------|--------------------|------------|------------|
|------|-----|------|---------|-------|-----------|-------|-------------------|--------------------|------------|------------|

Nguyễn Văn Trung  
Cán bộ chấm thi 1



Trần Thị Thanh Lễ

Nguyễn Thị Kim Ngân  
Cán bộ chấm thi 2



Trần Thế Hoàng

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**  
**HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....**  
**HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022**  
**Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022**

Môn học: ...Mạch điện.....

Nhóm: ...04.....

Ngày thi: .....18/01/2022..... Giờ thi:.....12:30.....

Phòng thi: ...ON23...

Giảng viên giảng dạy: : .....Trần Thị Thanh Lễ.....

| MaMH   | Stt | MaSV       | HoLotSV      | TenSV  | NgaySinhC  | MaLop    | Điểm QT<br>40% | Điểm thi<br>60% | Điểm HP | Ghi chú |
|--------|-----|------------|--------------|--------|------------|----------|----------------|-----------------|---------|---------|
| 228040 | 1   | 2121230004 | Nguyễn Thế   | Bảo    | 27/01/2003 | CCQ2123A | 7.4            | 5.5             | 6.3     |         |
| 228040 | 2   | 2121060022 | Trần Ngọc    | Báu    | 16/07/2003 | CCQ2106A | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 3   | 2121060023 | Nguyễn Văn   | Chánh  | 30/03/2003 | CCQ2106A | 7.6            | 6.0             | 6.6     |         |
| 228040 | 4   | 2121060001 | Phạm Công    | Chiến  | 28/03/2003 | CCQ2106A | 8.4            | 4.0             | 5.8     |         |
| 228040 | 5   | 2121060002 | Huỳnh Quốc   | Công   | 08/06/2003 | CCQ2106A | 7.7            | 7.5             | 7.6     |         |
| 228040 | 6   | 2121060036 | Huỳnh Tiên   | Cường  | 10/06/2003 | CCQ2106B | 7.7            | 6.0             | 6.7     |         |
| 228040 | 7   | 2121230008 | Nguyễn Cao   | Cường  | 05/07/2003 | CCQ2123A | 7.2            | 7.0             | 7.1     |         |
| 228040 | 8   | 2121060034 | Phạm Xuân    | Duy    | 22/03/2003 | CCQ2106A | 5.2            | 4.0             | 4.5     |         |
| 228040 | 9   | 2121060003 | Nguyễn Tuấn  | Đạt    | 16/03/2003 | CCQ2106A | 7.8            | 7.0             | 7.3     |         |
| 228040 | 10  | 2121060015 | Dương Hoài   | Đức    | 11/10/2003 | CCQ2106A | 6.8            | 2.0             | 3.9     |         |
| 228040 | 11  | 2119050113 | Nguyễn Hồ    | Hân    | 26/10/2001 | CCQ1905D | 7.4            | 6.0             | 6.6     |         |
| 228040 | 12  | 2121060035 | Đặng Thanh   | Hiếu   | 17/08/2003 | CCQ2106A | 7.5            | 2.5             | 4.5     |         |
| 228040 | 13  | 2121060019 | Nguyễn Minh  | Hiếu   | 16/03/2003 | CCQ2106A | 6.6            | 6.0             | 6.2     |         |
| 228040 | 14  | 2121060032 | Nguyễn Hoàng | Huân   | 17/09/2002 | CCQ2106A | 7.0            | 5.0             | 5.8     |         |
| 228040 | 15  | 2121060004 | Võ Khánh     | Hưng   | 25/10/2003 | CCQ2106A | 7.7            | 4.0             | 5.5     |         |
| 228040 | 16  | 2121060028 | Trần Bảo     | Khang  | 06/01/2003 | CCQ2106A | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 17  | 2121230006 | Võ Nguyên    | Khang  | 02/01/1999 | CCQ2123A | 8.0            | 5.0             | 6.2     |         |
| 228040 | 18  | 2121060005 | Bùi Thanh    | Khoa   | 22/01/2003 | CCQ2106A | 8.0            | 7.0             | 7.4     |         |
| 228040 | 19  | 2121060039 | Nguyễn Đặng  | Khoa   | 03/12/2003 | CCQ2106B | 3.8            | 5.0             | 4.5     |         |
| 228040 | 20  | 2121060020 | Trần Đức     | Khoa   | 28/02/1998 | CCQ2106A | 7.8            | 8.0             | 7.9     |         |
| 228040 | 21  | 2121060018 | Nguyễn Minh  | Khôi   | 19/09/2003 | CCQ2106A | 7.4            | 6.0             | 6.6     |         |
| 228040 | 22  | 2121230003 | Hồ Trung     | Kiên   | 27/07/2000 | CCQ2123A | 7.0            | 7.0             | 7.0     |         |
| 228040 | 23  | 2121060006 | Hứa Thanh    | Long   | 30/05/2000 | CCQ2106A | 7.7            | 8.0             | 7.9     |         |
| 228040 | 24  | 2121230002 | Đinh Hoàng   | Luân   | 10/03/2003 | CCQ2123A | 5.9            | 5.0             | 5.4     |         |
| 228040 | 25  | 2121060030 | Nguyễn Minh  | Mỹ     | 06/02/2003 | CCQ2106A | 7.1            | 5.0             | 5.8     |         |
| 228040 | 26  | 2121230010 | Đỗ Minh      | Nam    | 21/09/2003 | CCQ2123A | 6.5            | 7.0             | 6.8     |         |
| 228040 | 27  | 2121060007 | Phan Hiếu    | Nghĩa  | 31/08/2003 | CCQ2106A | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 28  | 2121060008 | Nguyễn Thái  | Nguyên | 24/06/2003 | CCQ2106A | 7.2            | 6.0             | 6.5     |         |
| 228040 | 29  | 2121230005 | Trần Long    | Nguyên | 14/11/2003 | CCQ2123A | 6.9            | 5.0             | 5.8     |         |
| 228040 | 30  | 2121060009 | Nguyễn Văn   | Nhật   | 08/10/2003 | CCQ2106A | 6.7            | 6.0             | 6.3     |         |

Số sinh viên có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số sinh viên vắng mặt: 3

Số tờ giấy thi: 24

**Ghi chú:** Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú.  
 Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HCM

**KHOA: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ**

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....**

**HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022**

**Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022**

**Môn học:....Mạch điện.....**

**Nhóm: ...04.....**

**Ngày thi: .....18/01/2022.....**

**Giờ thi:.....12:30.....**

**Phòng thi: ...ON23...**

**Giảng viên giảng dạy: . ....Trần Thị Thanh Lễ.....**

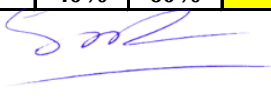
| MaMH | Stt | MaSV | HoLotSV | TenSV | NgaySinhC | MaLop | Điểm<br>QT<br>40% | Điểm<br>thi<br>60% | Điểm<br>HP | Ghi<br>chú |
|------|-----|------|---------|-------|-----------|-------|-------------------|--------------------|------------|------------|
|------|-----|------|---------|-------|-----------|-------|-------------------|--------------------|------------|------------|

  
**Trần Thị Thanh Lễ**

**Cán bộ chấm thi 1**



**Trần Thị Thanh Lễ**

  
**Nguyễn Kim Suyên**

**Cán bộ chấm thi 2**



**Trần Thế Hoàng**

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**  
**HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....**  
**HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022**  
**Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022**

Môn học: ...Mạch điện.....

Nhóm: ...04.....

Ngày thi: .....18/01/2022.....

Giờ thi:.....12:30.....

Phòng thi: ...ON31...

Giảng viên giảng dạy: : .....Trần Thị Thanh Lễ.....

| MaMH   | Stt | MaSV       | HoLotSV         | TenSV  | NgaySinhC  | MaLop    | Điểm QT<br>40% | Điểm thi<br>60% | Điểm HP | Ghi chú |
|--------|-----|------------|-----------------|--------|------------|----------|----------------|-----------------|---------|---------|
| 228040 | 1   | 2121060031 | Nguyễn Thanh    | Phú    | 26/04/2003 | CCQ2106A | 8.5            | 5.5             | 6.7     |         |
| 228040 | 2   | 2121230013 | Vũ Đình Hoàng   | Phúc   | 13/11/2003 | CCQ2123A | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 3   | 2121060010 | Nguyễn Thị Linh | Phương | 11/02/2003 | CCQ2106A | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 4   | 2121060016 | Lê Minh         | Quang  | 04/03/2003 | CCQ2106A | 7.3            | 4.0             | 5.3     |         |
| 228040 | 5   | 2121230007 | Nguyễn Nhật     | Quang  | 26/11/2003 | CCQ2123A | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 6   | 2121060038 | Dương Phú       | Quý    | 06/06/2003 | CCQ2106B | 8.2            | 5.0             | 6.3     |         |
| 228040 | 7   | 2121060011 | Hà Ngọc         | Sáng   | 22/03/2003 | CCQ2106A | 6.9            | 7.0             | 7.0     |         |
| 228040 | 8   | 2121060042 | Tô Văn          | Sơn    | 01/02/2003 | CCQ2106B | 4.2            | 4.5             | 4.4     |         |
| 228040 | 9   | 2121060043 | Lê Thành        | Tài    | 06/01/2003 | CCQ2106B | 5.5            | 6.0             | 5.8     |         |
| 228040 | 10  | 2121060025 | Phạm Đỗ Quốc    | Tân    | 31/10/2003 | CCQ2106A | 8.2            | 6.0             | 6.9     |         |
| 228040 | 11  | 2121060040 | Phạm Thành      | Thạch  | 10/12/2003 | CCQ2106B | 7.3            | 2.5             | 4.4     |         |
| 228040 | 12  | 2121060014 | Lê Ngọc         | Thành  | 04/10/2003 | CCQ2106A | 5.1            | 6.0             | 5.6     |         |
| 228040 | 13  | 2121060012 | Nguyễn Quang    | Thành  | 20/11/1998 | CCQ2106A | 7.6            | 6.5             | 6.9     |         |
| 228040 | 14  | 2121230014 | Phạm Ngọc       | Thắng  | 09/03/2003 | CCQ2123A | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 15  | 2119050132 | Trịnh Quốc      | Thắng  | 28/02/2001 | CCQ1905D | 7.4            | 7.0             | 7.2     |         |
| 228040 | 16  | 2121060029 | Nguyễn Quang    | Tiến   | 09/12/2003 | CCQ2106A | 8.0            | 3.0             | 5.0     |         |
| 228040 | 17  | 2121060041 | Phan Trung      | Tính   | 28/10/2003 | CCQ2106B | 4.4            | 5.5             | 5.1     |         |
| 228040 | 18  | 2121060013 | Phan Quốc       | Toàn   | 06/02/2002 | CCQ2106A | 7.5            | 7.5             | 7.5     |         |
| 228040 | 19  | 2121230001 | Huỳnh Nguyên    | Trường | 03/04/2003 | CCQ2123A | 8.3            | 6.5             | 7.2     |         |
| 228040 | 20  | 2121060044 | Thập Vũ         | Trường | 13/01/2002 | CCQ2106B | 7.1            | 7.0             | 7.0     |         |
| 228040 | 21  | 2121060024 | Nguyễn Việt     | Tuấn   | 12/10/2003 | CCQ2106A | 7.8            | 5.0             | 6.1     |         |
| 228040 | 22  | 2118050066 | Trần Văn Han    | Ty     | 03/03/2000 | CCQ1805A | 7.2            | 6.0             | 6.5     |         |
| 228040 | 23  | 2118050204 | Nguyễn Quốc     | Việt   | 22/05/2000 | CCQ1805C | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 24  | 2121230011 | Võ Quốc         | Việt   | 03/08/2002 | CCQ2123A | 6.3            | 5.0             | 5.5     |         |
| 228040 | 25  | 2118050205 | Lê Hùng         | Vin    | 02/02/2000 | CCQ1805C | 6.8            | 7.0             | 6.9     |         |
| 228040 | 26  | 2121060017 | Nguyễn Tấn      | Vinh   | 08/01/2003 | CCQ2106A | 7.8            | 5.5             | 6.4     |         |
| 228040 | 27  | 2121060037 | Phan Trung      | Vinh   | 23/02/2003 | CCQ2106B | 8.3            | 8.0             | 8.1     |         |
| 228040 | 28  | 2121060033 | Phan Long       | Vũ     | 19/11/2003 | CCQ2106A | 7.0            | 4.5             | 5.5     |         |
| 228040 | 29  | 2121060021 | Huỳnh Ngọc      | Xuân   | 15/02/2003 | CCQ2106A | 8.3            | 6.0             | 6.9     |         |

Số sinh viên có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số sinh viên vắng mặt: 5

Số tờ giấy thi: 24

**Ghi chú:** Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú.  
 Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2




DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI  
HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....  
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022  
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ...Mạch điện.....  
Nhóm: ...04.....  
Ngày thi: .....18/01/2022..... Giờ thi:.....12:30..... Phòng thi: ...ON31...  
Giảng viên giảng dạy: . ....Trần Thị Thanh Lễ.....

| MaMH | Stt | MaSV | HoLotSV | TenSV | NgaySinhC | MaLop | Điểm<br>QT<br>40% | Điểm<br>thi<br>60% | Điểm<br>HP | Ghi<br>chú |
|------|-----|------|---------|-------|-----------|-------|-------------------|--------------------|------------|------------|
|------|-----|------|---------|-------|-----------|-------|-------------------|--------------------|------------|------------|

Nguyễn Văn Phước  
Cán bộ chấm thi 1



Trần Thị Thanh Lễ

Nguyễn Thị Hạnh  
Cán bộ chấm thi 2



Trần Thế Hoàng

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**  
**HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....**  
**HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022**  
**Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022**

Môn học: ...Mạch điện.....

Nhóm: ...05.....

Ngày thi: .....18/01/2022..... Giờ thi:.....12:30.....

Phòng thi: ...ON32...

Giảng viên giảng dạy: : .....Trần Thị Thanh Lễ.....

| MaMH   | Stt | MaSV       | HoLotSV        | TenSV  | NgaySinhC  | MaLop    | Điểm QT<br>40% | Điểm thi<br>60% | Điểm HP | Ghi chú |
|--------|-----|------------|----------------|--------|------------|----------|----------------|-----------------|---------|---------|
| 228040 | 1   | 2121150034 | Lê Huỳnh Công  | Mến    | 02/10/2003 | CCQ2115A | 6.9            | 7.0             | 7.0     |         |
| 228040 | 2   | 2121150048 | Phan Thành     | Nhân   | 18/10/2003 | CCQ2115B | 5.7            | 6.5             | 6.2     |         |
| 228040 | 3   | 2121150049 | Trần Danh      | Nhân   | 27/02/2003 | CCQ2115B | 6.2            | 8.5             | 7.6     |         |
| 228040 | 4   | 2121150006 | Ng. Văn Tuấn   | Nhật   | 12/08/2003 | CCQ2115A | v              | v               | v       | v       |
| 228040 | 5   | 2121150022 | Nguyễn Thành   | Phong  | 19/11/2003 | CCQ2115A | 5.7            | 3.5             | 4.4     |         |
| 228040 | 6   | 2121150031 | Trần Thanh     | Phú    | 07/03/2003 | CCQ2115A | 3.3            | 7.0             | 5.5     |         |
| 228040 | 7   | 2121150014 | Trịnh Hoàng    | Phúc   | 24/11/2003 | CCQ2115A | 7.0            | 6.5             | 6.7     |         |
| 228040 | 8   | 2121150037 | Đào Minh       | Phước  | 29/06/2002 | CCQ2115B | 6.8            | 5.0             | 5.7     |         |
| 228040 | 9   | 2121150020 | Đặng Minh      | Phương | 15/11/2003 | CCQ2115A | 7.7            | 9.5             | 8.8     |         |
| 228040 | 10  | 2121150016 | Lăng Minh      | Phương | 20/01/2003 | CCQ2115A | 7.0            | 7.0             | 7.0     |         |
| 228040 | 11  | 2121150060 | Đặng Quỳnh     | Quý    | 10/03/2003 | CCQ2115B | 5.1            | 8.0             | 6.8     |         |
| 228040 | 12  | 2121150047 | Đào Duy        | Thái   | 24/11/2003 | CCQ2115B | 6.2            | 7.5             | 7.0     |         |
| 228040 | 13  | 2121150027 | Vũ Nguyễn Nhật | Thanh  | 16/12/2000 | CCQ2115A | 8.0            | 9.5             | 8.9     |         |
| 228040 | 14  | 2121150038 | Võ Chiến       | Thắng  | 08/04/2003 | CCQ2115B | 7.2            | 9.0             | 8.3     |         |
| 228040 | 15  | 2121150045 | Võ Quốc        | Thắng  | 30/11/2003 | CCQ2115B | 7.9            | 7.0             | 7.4     |         |
| 228040 | 16  | 2121150042 | Đỗ Thành       | Thi    | 17/07/2002 | CCQ2115B | 7.7            | 8.0             | 7.9     |         |
| 228040 | 17  | 2121150025 | Nguyễn Ngọc    | Thiện  | 16/02/2003 | CCQ2115A | 7.6            | 7.5             | 7.5     |         |
| 228040 | 18  | 2121150033 | Huỳnh Ngọc     | Thông  | 01/05/2002 | CCQ2115A | 6.8            | 6.5             | 6.6     |         |
| 228040 | 19  | 2121150021 | Nguyễn Kim     | Tiến   | 15/09/2003 | CCQ2115A | 6.4            | 9.5             | 8.3     |         |
| 228040 | 20  | 2121150041 | Nguyễn Hữu     | Tồn    | 14/12/2003 | CCQ2115B | 8.2            | 5.5             | 6.6     |         |
| 228040 | 21  | 2121150039 | Lê Thanh       | Trâm   | 28/04/2003 | CCQ2115B | 4.2            | 7.5             | 6.2     |         |
| 228040 | 22  | 2121150050 | Nguyễn Trung   | Trí    | 31/12/2003 | CCQ2115B | 6.4            | 4.5             | 5.3     |         |
| 228040 | 23  | 2121150028 | Phùng Ninh Anh | Trí    | 02/11/2003 | CCQ2115A | 6.4            | 5.5             | 5.9     |         |
| 228040 | 24  | 2121150018 | Mai Thái       | Tuấn   | 11/04/2003 | CCQ2115A | 7.2            | 8.5             | 8.0     |         |
| 228040 | 25  | 2121150010 | Nguyễn Quốc    | Văn    | 01/12/2003 | CCQ2115A | 7.9            | 7.5             | 7.7     |         |
| 228040 | 26  | 2121150054 | Nguyễn Đức     | Việt   | 08/09/2002 | CCQ2115B | 4.0            | 9.0             | 7.0     |         |
| 228040 | 27  | 2121150053 | Trần Trung     | Vĩnh   | 23/05/2003 | CCQ2115B | 5.2            | 8.0             | 6.9     |         |
| 228040 | 28  | 2121150055 | Phạm Văn       | Vũ     | 18/06/2002 | CCQ2115B | 0.0            | 2.5             | 1.5     |         |
| 228040 | 29  | 2121150015 | Trần Xuân      | Vũ     | 27/08/2003 | CCQ2115A | 7.7            | 8.5             | 8.2     |         |

Số sinh viên có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số sinh viên vắng mặt: 01

Số tờ giấy thi: 28

**Ghi chú:** Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú.  
 Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2




DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI  
HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....  
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022  
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ...Mạch điện.....  
Nhóm: ...05.....  
Ngày thi: .....18/01/2022..... Giờ thi:.....12:30.....  
Phòng thi: ...ON32...  
Giảng viên giảng dạy: . ....Trần Thị Thanh Lễ.....

| MaMH | Stt | MaSV | HoLotSV | TenSV | NgaySinhC | MaLop | Điểm<br>QT<br>40% | Điểm<br>thi<br>60% | Điểm<br>HP | Ghi<br>chú |
|------|-----|------|---------|-------|-----------|-------|-------------------|--------------------|------------|------------|
|------|-----|------|---------|-------|-----------|-------|-------------------|--------------------|------------|------------|

*SV. Phạm Toàn Sinh*

Cán bộ chấm thi 1



Trần Thị Thanh Lễ

Đặng Văn Tín

Cán bộ chấm thi 2



Trần Thế Hoàng